

## DANH MỤC

### CÁC VĂN BẢN CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH CÓ NỘI DUNG PHÂN CẤP CHO UBND XÃ, CHỦ TỊCH UBND XÃ

(Kèm theo Văn bản số ...../BC-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của UBND xã Thạch Hà)

STT	Văn bản phân cấp	Đơn vị/Người phân cấp	Đơn vị/Người được phân cấp	Nội dung phân cấp	Thời hạn phân cấp
1	QĐ số 57/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 Quy định phân cấp quản lý đê điều và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh	UBND cấp xã	<ol style="list-style-type: none"><li>Giao UBND cấp xã trực tiếp quản lý, bảo vệ các tuyến đê cấp IV, cấp V (bao gồm cả công qua đê, kè bảo vệ đê và các công trình phụ trợ khác) trên địa bàn.</li><li>Thành lập lực lượng quản lý đê nhân dân, không thuộc biên chế nhà nước, được tổ chức theo địa bàn cấp xã và được gọi là “Lực lượng quản lý đê nhân dân”</li></ol>	có hiệu lực kể từ ngày 02/10/2025
2	QĐ số 66/2025/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền	UBND tỉnh	Chủ tịch UBND cấp xã	<ol style="list-style-type: none"><li>Quyết định phê duyệt phương án xử lý (trừ trường hợp phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển) đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.</li><li>Quyết định phê duyệt phương án xử lý (trừ trường hợp phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển) đối với tài sản do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.</li><li>Trường hợp khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị</li></ol>	có hiệu lực kể từ ngày 13/10/2025

	sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh			<p>được tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản: quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản: quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương cấp xã.</p> <p>4. Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương</p>	
3	<p>QĐ số 67/2025/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 Ban hành Quy định phân cấp, quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh</p>	UBND tỉnh	UBND cấp xã	<p>Quản lý các công trình thủy lợi như hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm, cống tiêu thoát lũ, cống ngăn mặn - giữ ngọt; kè; kênh và công trình trên kênh; kênh tiêu</p>	<p>có hiệu lực kể từ ngày 30/10/2025</p>
		UBND tỉnh	Chủ tịch UBND cấp xã	<p>Phê duyệt, công bố công khai uy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.</p>	
4	<p>QĐ số 90/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 Phân cấp một số nội dung về quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh</p>	UBND tỉnh	UBND cấp xã	<p>1. Tổ chức quản lý đối với sông, kênh, hồ, đầm, phá trên địa bàn chưa được đầu tư xây dựng, công bố mở luồng mà có hoạt động vận tải nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; quản lý, bảo trì các công trình khác thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa địa phương được giao quản lý.</p> <p>2. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 41 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ đối với các công trình, hoạt động có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa địa phương thuộc phạm vi quản lý.</p>	<p>có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/12/2025</p>

5	<p>QĐ số 96/2025/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 Phân cấp thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh</p>	<p>Chủ tịch UBND tỉnh</p>	<p>Chủ tịch UBND cấp xã</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quyết định giao tài sản bằng hiện vật đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).</li> <li>2. Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ cho các đối tượng khoán tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</li> <li>3. Quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh cho cán bộ, công chức và đối tượng khác tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</li> <li>4. Quyết định việc khoán kinh phí sử dụng các tài sản công khác (không thuộc phạm vi quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</li> <li>5. Quyết định khai thác tài sản công tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</li> <li>6. Quyết định khai thác tài sản công tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</li> <li>7. Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</li> <li>8. Quyết định bán tài sản công (trừ xe ô tô) trong các trường hợp: a) Bán tài sản công là tài sản cố định tại Ủy ban nhân dân cấp xã; b) Bán tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý; c) Bán tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.</li> </ol>	<p>có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025</p>
---	--	---------------------------	-----------------------------	---	--

				<p>9. Quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định (trừ xe ô tô) trong các trường hợp: a) Thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại Ủy ban nhân dân cấp xã; b) Thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý; c) Thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ sách kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>10. Quyết định tiêu huỷ tài sản công là tài sản cố định tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>11. Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>12. Quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p> <p>13. Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.</p> <p>14. Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã làm chủ đầu tư (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).</p>	
6	<p>QĐ số 98/2025/QĐ-UBND ngày 22/12/2025</p> <p>Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức</p>	UBND tỉnh	Chủ tịch UBND cấp xã	<p>1. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh</p> <p>2. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (ngoài máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) đối với đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p>	<p>có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026</p>

	sử dụng máy móc, thiết bị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh				
7	<p>QĐ số 02/2026/QĐ-UBND ngày 09/01/2026</p> <p>Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng; quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh</p>	UBND tỉnh	Chủ tịch UBND cấp xã	<p>1. Quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng đối với đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>2. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp (trừ diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.</p>	có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 01 năm 2026
8	<p>QĐ số 27/2026/QĐ-UBND ngày 24/4/2026</p> <p>Quy định phân cấp quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi</p>	UBND tỉnh	UBND cấp xã	<p>Quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định pháp luật có liên quan.</p>	có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2026

	người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh				
9	QĐ số 33/2026/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 Phân cấp một số thẩm quyền trong quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh	UBND cấp xã	Quyết định ban hành Bảng giá cho thuê nhà đối với nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của cấp xã giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà cấp xã quản lý, khai thác.	có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 6 năm 2026
10	QĐ số 34/2026/QĐ-	UBND tỉnh	Chủ tịch UBND	1. Quyết định giao đất không thu tiền sử dụng đất; cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm; giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền	03/6/2026-01/3/2027

	<p>UBND ngày 03/6/2026 Phân cấp, ủy quyền một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh</p>		<p>cấp xã</p>	<p>thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời gian thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.</p> <p>2. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao đối với trường hợp sử dụng đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.</p> <p>3. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với cá nhân; giao đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với cộng đồng dân cư; quyết định giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 Luật Đất đai; cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường.</p> <p>4. Quyết định thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng. - Quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện hoặc thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc tiếp nhận hồ sơ tự công bố sản phẩm quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này và điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.</p> <p>5. Quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử</p>	
--	--	--	---------------	--	--

			<p>dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>6. Quyết định thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai.</p> <p>7. Chấp thuận phương án sử dụng đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 6 Điều 45 Luật Đất đai; phê duyệt phương án sử dụng đất trồng lúa quy định tại khoản 7 Điều 45 Luật Đất đai.</p> <p>8. Phê duyệt phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai.</p> <p>9. Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất, quyết định đấu giá quyền sử dụng đất, phê duyệt giá khởi điểm của khu đất, thửa đất đấu giá, quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>10. Quyết định giá đất cụ thể đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 160 Luật Đất đai trừ trường hợp quy định tại khoản 13 Điều 7 Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>11. Chấp thuận phương án sử dụng đất nông nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 78 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.</p> <p>12. Chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>13. Phê duyệt phương án bố trí lại diện tích đất ở thành khu dân cư đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai.</p> <p>14. Chấp thuận về việc thỏa thuận nhận chuyển quyền sử dụng đất để thực</p>	
--	--	--	--	--

				hiện dự án.	
11	Quyết định số 62/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 Quy định một số nội dung về quản lý kiến trúc, cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh	UBND cấp xã	1. Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, trừ công trình bí mật nhà nước (Điều 8)	Có hiệu lực kể từ ngày 24/9/2025
12	Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 về ban hành Quy định một số nội dung về công tác thẩm định và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh	UBND cấp xã	3 nhiệm vụ: (1) thực hiện các nội dung quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (tại khoản 5 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025); (2) Giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng trên địa bàn (tại khoản 2 Điều 44, điểm đ khoản 2 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025).(3) tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư (tại Khoản 2 Điều 24, khoản 5 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023, điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025);	Có hiệu lực kể từ ngày 24/9/2025